TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 21/2018/KDTM-PT
Ngày 29 - 11 - 2018
"V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, thế chấp"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Sơn.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Phấn

Ông Lê Hồng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:
Ông Võ Duy Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 19/2018/TLPT-KDTM ngày 10 tháng 9 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 17/2018/KDTM-ST ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 32/2018/QĐ-PT ngày 12 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q

Địa chỉ: Số 22, phố H, Phường L, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc H; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế D; chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Q, Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Nghệ An; theo Giấy ủy quyền số 1606/NHN-GUQ ngày 23 tháng 10 năm 2018. Ông D có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N.

Địa chỉ: Số 307, Đường N, Khối 12, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Bà N có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Lê Xuân Q, sinh năm 1987; chị Lê Quỳnh T, sinh năm 1989 và chị Lê Khánh L; sinh năm 1993; địa chỉ: Số 307, Đường N, Khối 12, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Chị Q, chị T và chị L đều vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ: Số 27, Đường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoài A; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An: Bà Đào Thị V - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V, tỉnh Nghệ An. Chị V vắng mặt.

* Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 17/2018/KDTM-ST ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An thì vụ án có nội dung như sau:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q trình bày:

Bà Nguyễn Thị N vay vốn tại Ngân hàng N thành phố V, tỉnh Nghệ An theo các hợp đồng tín dụng và các phụ lục kèm theo. Cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 3601-LAV-201302030 ngày 29 tháng 5 năm 2013: Số tiền nhận nợ 800.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 29 tháng 5 năm 2013 đến ngày 29 tháng 5 năm 2014), lãi suất cho vay 11%/năm, mức lãi suất sẽ điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn;

- Hợp đồng tín dụng số 3601-LAV-201302260 ngày 29 tháng 5 năm 2013: Số tiền nhận nợ 500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 29 tháng 5 năm 2013

đến ngày 29 tháng 5 năm 2014), lãi suất cho vay 11%/năm, mức lãi suất sẽ điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 11, Khối 12, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 489118 do Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An cấp ngày 03 tháng 01 năm 2013; thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị N; theo Hợp đồng thế chấp số 16026/HĐTC ngày 29 tháng 5 năm 2013.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng và phải chịu mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, gửi thông báo yêu cầu trả nợ nhưng bên vay đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

Ngày 14 tháng 7 năm 2015, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam đã ký hợp đồng bán khoản nợ xấu của bà Nguyễn Thị N cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q.

Tính đến ngày 30 tháng 5 năm 2018, bà N còn nợ VAMC 1.300.000.000 đồng tiền gốc; 554.805.556 đồng tiền lãi trong hạn và 242.755.556 tiền lãi quá hạn; tổng cộng là 2.087.565.111 đồng.

VAMC yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền và phải chịu số tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp bà N không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 16026/HĐTC ngày 29 tháng 5 năm 2013.

Tại bản tự khai, trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Ngày 29 tháng 5 năm 2013, bà N có ký hai hợp đồng tín dụng vay Ngân hàng N tổng số tiền 1.300.000.000 đồng với thời hạn, lãi suất và thế chấp khối tài sản như nguyên đơn trình bày là đúng. Do kinh doanh thua lỗ, bà N thừa nhận đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng. Nay, nguyên đơn yêu cầu bà N phải có nghĩa vụ thành toán nợ với tổng số tiền 1.300.000.000 đồng tiền gốc; 554.805.556 đồng tiền lãi trong hạn và 242.755.556 tiền lãi quá hạn; tổng cộng là 2.087.565.111 đồng, bà N nhất trí trả tiền nợ gốc, yêu cầu nguyên đơn miễn lãi suất.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, bà N không nhất trí. Theo bà N, tại Bản án số 06/ST-DS ngày 30 tháng 9 năm 1997 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An về phần tài sản đã nhận định bà N và ông H (chồng bà N) có khối tài sản chung gồm 01 căn hộ 02 tầng, diện tích 120 m^2 trên diện tích đất 60 m^2 và các đồ dùng sinh hoạt gia đình như ti vi, máy khâu, tài sản 400.000.000 đồng. Khi ly hôn, ông H nhường lại toàn bộ nhà cửa, tài sản mà vợ chồng có chung cho bà để nuôi dạy các con. Khi đó, do con bà còn nhỏ nên Tòa án giao cho bà sở hữu tài sản và quyền sử dụng đất là đúng. Tuy nhiên, năm 2013, khi bà làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân thành phố V phải hỏi ý kiến các con bà và phải ghi nhận các con là đồng sở hữu mảnh đất trên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới đúng.

Vì vậy, bà N yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số 01/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2013 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 489118 ngày 03 tháng 01 năm 2013, diện tích đất 88,1 m^2 tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 11, Khối 12, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Tại bản tự khai, trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố V trình bày:

Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số 01/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2013 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 489118 ngày 03 tháng 01 năm 2013, diện tích đất 88,1 m^2 tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 11, Khối 12, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An cho bà Nguyễn Thị N căn cứ vào bản án ly hôn phân chia tài sản chung vợ chồng. Tại Bản án số 06/ST-DS ngày 30 tháng 9 năm 1997 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã giao mảnh đất trên cho bà Nguyễn Thị N sử dụng, Ủy ban nhân dân thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị N là đúng quy định pháp luật.

Mặt khác, quá trình làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến trước thời điểm thế chấp, bà N và các con không yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An cấp sử dụng chung. Bà N đang thế chấp mảnh đất này cho Ngân hàng để vay tiền, hiện số nợ đã quá hạn. Bà N yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chính mình làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Vì vậy, Ủy ban nhân dân thành phố V không chấp nhận yêu cầu của bà N và giữ

nguyên Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số 01/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2013.

Với nội dung trên, Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 17/2018/KDTM-ST ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Áp dụng các Điều 26, 35, 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng; các Điều 476, 721 Bộ luật Dân sự; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q đối với bà Nguyễn Thị N; buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q tính đến ngày 30 tháng 5 năm 2018 các khoản tiền sau: Nợ gốc 1.300.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 554.805.556 đồng; nợ lãi quá hạn 242.755.556 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 2.087.565.111 đồng.

Nếu bà Nguyễn Thị N không trả nợ hoặc trả không đủ thì xử lý tài sản bảo đảm tiền vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 11, Khối 12, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 489118 do Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An cấp ngày 03 tháng 01 năm 2013; thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị N; theo Hợp đồng thế chấp số 16026/HĐTC ngày 29 tháng 5 năm 2013.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, lãi suất do chậm thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11 tháng 6 năm 2018, bị đơn bà Nguyễn Thị N kháng cáo toàn bộ Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 17/2018/KDTM-ST ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An về tố tụng và nội dung vụ án; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án, hiện bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung làm thiệt hại trầm trọng quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của bà N và các con của bà N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phát biểu Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán được phân công đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục phiên tòa.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định tại Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị N kháng cáo trong thời hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng kháng cáo nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết là đúng quy định pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bả Nguyễn Thị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ ba nhưng vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt họ.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, Tòa án đã hỏi ý kiến của các đương sự có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hay không nhưng các đương sự không thỏa thuận được. Do đó, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Xét nội dung vụ án: Tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 17/2018/KDTM-ST ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị N phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q tổng số tiền 2.087.565.111 đồng, trong đó, nợ gốc 1.300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 554.805.556 đồng, nợ lãi quá hạn 242.755.556 đồng. Nếu bà N không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q có quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị N tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 11, Khối 12, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số BM 489118 đã được thế chấp tại Hợp đồng thế chấp số 16026/HĐTC ngày 29 tháng 5 năm 2013. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị N kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N:

Do có nhu cầu vay vốn để kinh doanh hàng tạp hóa, ngày 29 tháng 5 năm 2013, bà Nguyễn Thị N đã ký hai Hợp đồng tín dụng số 3601-LAV-201302030 và số 3601-LAV-201302260 vay của Ngân hàng N thành phố V - Phòng giao dịch Q tổng số tiền 1.300.000.000 đồng trong thời hạn 12 tháng với lãi suất 11%/năm. Tài sản thế chấp cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 11, Khối 12, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 489118 do Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An cấp ngày 03 tháng 01 năm 2013 mang tên bà Nguyễn Thị N. Sau khi ký các hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ số tiền 1.300.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bà N thừa nhận đã nhận nợ đầy đủ số tiền 1.300.000.000 đồng. Xét thấy, hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ đã được các bên giao kết tự nguyện; không ai bị lừa dối hay ép buộc; các bên tham gia giao dịch có đủ thẩm quyền và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; nội dung của hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, do kinh doanh thua lỗ nên bà N đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng N đã bán khoản nợ này cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q. Do đó, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn phát sinh từ hợp đồng tín dụng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bà Nguyễn Thị N kháng cáo cho rằng các giấy tờ, thủ tục đối với khoản vay đầu tiên là không hợp pháp. Xét thấy, căn cứ dự án vay vốn được bà Nguyễn Thị N lập ngày 28 tháng 5 năm 2013 và báo cáo thẩm định, tái thẩm định ngày 29 tháng 5 năm 2013, Ngân hàng N thành phố V - Phòng giao dịch Q đã cùng với bà N ký Hợp đồng tín dụng số 3601-LAV-201302030 vay số tiền 800.000.000 đồng và ký hợp đồng thế chấp để bảo đảm cho khoản vay. Sau đó, bà N có giấy đề nghị vay vốn bằng số tiền theo hợp đồng tín dụng đã ký là đúng quy định pháp luật.

Đối với tài sản thế chấp tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 11, Khối 12, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An, có nguồn gốc là tài sản chung vợ chồng bà Nguyễn Thị N và ông Lê Xuân H được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Tại Bản án số 06/ST-DS ngày 30 tháng 9 năm 1997 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã công nhận sự tự nguyện của ông H, giao toàn bộ diện tích đất và các tài sản trên đất cho bà Nguyễn Thị N được quyền sử dụng, quản lý. Bản án không có kháng cáo, không bị kháng nghị và sau khi có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị N đã tiến hành kê khai, nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên cơ sở yêu cầu đó, Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An đã thực hiện các thủ tục lấy ý kiến của khu dân cư, xác định thửa đất không có tranh chấp và quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BM 489118 cho bà Nguyễn Thị N ngày 03 tháng 01 năm 2013 là đúng quy định pháp luật.

Ngày 29 tháng 5 năm 2013, bà Nguyễn Thị N ký Hợp đồng thế chấp số TC 13026 với Ngân hàng N thành phố V - Phòng giao dịch Q, dùng tài sản nhà đất mang tên bà để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của chính mình tại các hợp đồng tín dụng. Hợp đồng thế chấp đã được bà N ký tên, điểm chỉ; người có thẩm quyền của bên nhận thế chấp Ngân hàng N thành phố V - Phòng giao dịch Q ký tên và đóng dấu, được công chứng tại Văn phòng Công chứng Q và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất thành phố V, tỉnh Nghệ An. Xét thấy, hợp đồng thế chấp đã được các bên giao dịch tự nguyện; tại thời điểm ký kết, các bên đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không ai bị ép buộc, lừa dối và bảo đảm về mặt hình thức của hợp đồng nên phát sinh hiệu lực theo quy định pháp luật. Do bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng tín dụng nên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q có quyền xử lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp và quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị N còn kháng cáo cho rằng việc xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm là vi phạm tố tụng nhưng không đưa ra được các chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét, chấp nhận.

Từ các chứng cứ và lập luận nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa là đúng pháp luật.

[5] Về án phí phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị N kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 26 và 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng; các Điều 476, 721 Bộ luật Dân sự; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q đối với bà Nguyễn Thị N; buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q tính đến ngày 30 tháng 5 năm 2018 các khoản tiền sau: Nợ gốc 1.300.000.000 đồng (Một tỷ, ba trăm triệu đồng); nợ lãi trong hạn 554.805.556 đồng (Năm trăm năm mươi tư triệu, tám trăm linh năm nghìn, năm trăm năm mươi sáu đồng); nợ lãi quá hạn 242.755.556 đồng (Hai trăm bốn mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm năm mươi sáu đồng). Tổng cả gốc và lãi là 2.087.565.111 đồng (Hai tỷ, không trăm tám mươi bảy triệu, năm trăm sáu mươi lăm nghìn, một trăm mười một đồng).

Nếu bà Nguyễn Thị N không trả nợ hoặc trả không đủ thì xử lý tài sản bảo đảm tiền vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 11, Khối 12, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 489118 do Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An cấp ngày 03 tháng 01 năm 2013; thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị N; theo Hợp đồng thế chấp số 16026/HĐTC ngày 29 tháng 5 năm 2013.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm nếu không trả hết nợ thì bà Nguyễn Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay

theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7, 8 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27, Điều 30 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Điều 29, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Về án phí sơ thẩm: Giảm ½ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị N, buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu 36.875.000 đồng (Ba mươi sáu triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0002592 ngày 20 tháng 10 năm 2016.

- Về án phí phúc thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0002670 ngày 18 tháng 7 năm 2018.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND thành phố Vinh;
- Chi cục THADS thành phố Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Quốc Sơn